

Số: 53/BC-PTHH

Hải Phòng, ngày 01 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975, thay đổi lần thứ 11, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 08/8/2019
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836379
- Số fax: 0225.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu: VMS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng công ty Phát triển Hàng hải theo quyết định số 2444-QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải; Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải.

Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng

Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.

Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.

Ngày 20/10/2015 Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - + Cho thuê kho, bãi;

- + Khai thác ICD;
- + Đại lý và cho thuê, mua bán container, rơ moóc;
- + Sửa chữa vỏ container;
- + Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức;
- + Dịch vụ cung cấp nhiên liệu;
- Địa bàn kinh doanh:

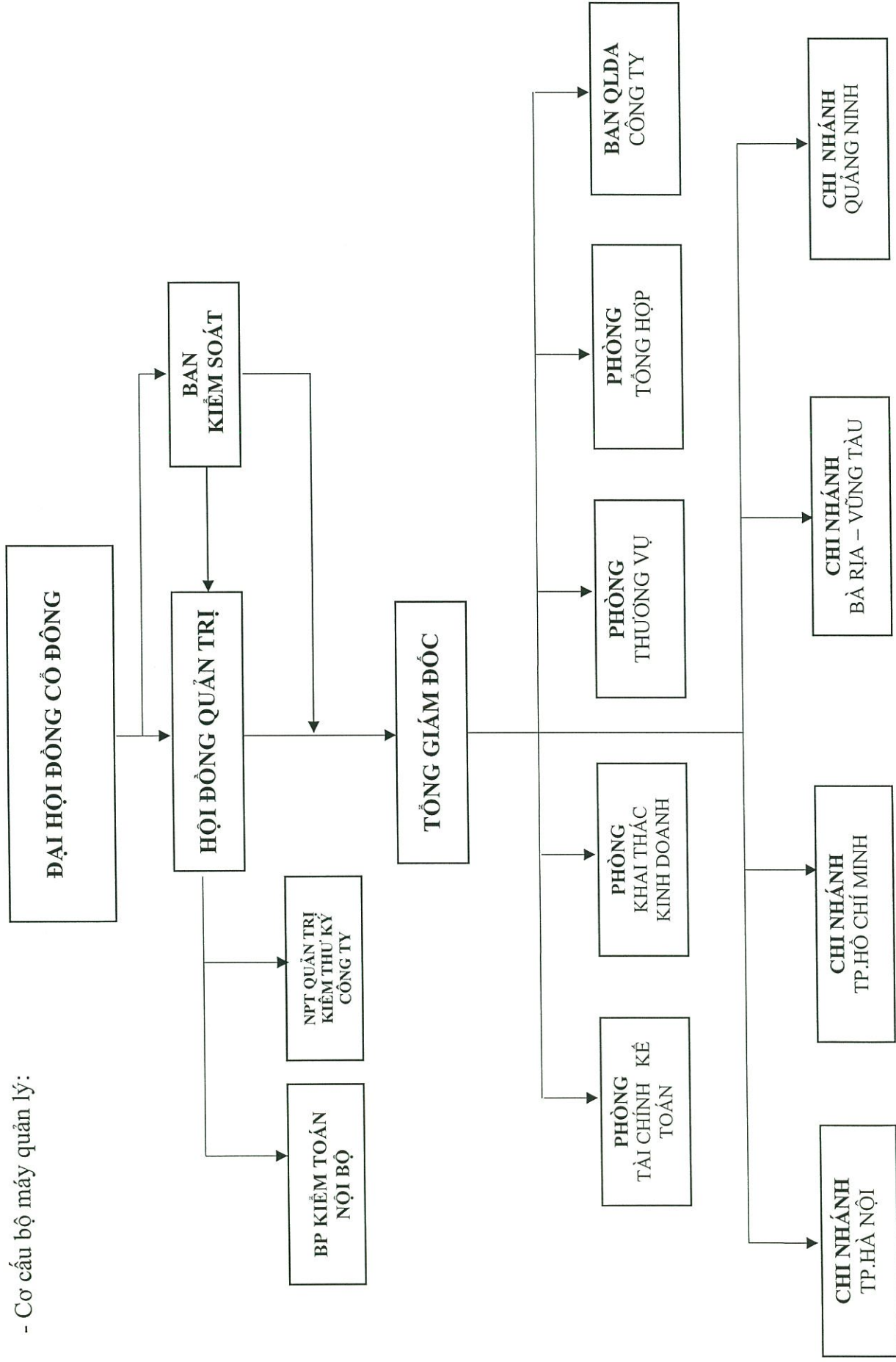
Thành phố Hải Phòng, Tp.Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị :

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: số 46B Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết: 24,1% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

4. Định hướng phát triển

Tái cơ cấu về sản phẩm, dịch vụ và quy mô hoạt động SXKD.

Phân đầu mục tiêu nằm trong 30 đơn vị đầu ngành giao nhận vận tải, dịch vụ logistics 3PL, 4PL, khai thác kho bãi trong giai đoạn 2022-2026.

Trở thành 1 mắt xích logistics quan trọng xây dựng các trung tâm logistics tích hợp, sử dụng thế mạnh về CSHT và kinh nghiệm khai thác kho bãi lâu năm kết nối các đơn vị thành viên của Tổng công ty, như các đơn vị cảng, tàu biển, tàu container....

Trở thành đơn vị cung cấp các giải pháp chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng, chiếm lĩnh được 10% thị phần tại Việt Nam, lấy công nghệ làm cốt lõi cho sự phát triển, cho nền móng của một dịch vụ logistics hiện đại

Tham gia sâu vào hoạt động của chuỗi cung ứng nhằm tham gia vào hệ thống chuỗi cung ứng quốc tế, phát triển mạnh mẽ trở thành một nhà cung cấp 4PL có thương hiệu, có công nghệ logistics và các hệ thống phần mềm chuỗi cung ứng, kết nối với khách hàng đảm bảo các giá trị cốt lõi, vươn tới tầm nhìn và mục tiêu đã đặt ra.

Giai đoạn 2022-2026, Công ty sẽ tập trung xử lý dứt điểm sắp xếp lại các khu đất, hoàn thành hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh các dự án, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp hoạt động không hiệu quả, tập trung các nguồn lực đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị phục vụ hoạt động logistics – dịch vụ trọng tâm của Công ty

5. Các rủi ro:

Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 tác động đến toàn bộ nền kinh tế, gây ra gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng gây mất cân bằng trong lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.

Khả năng tài chính của Công ty hạn chế nên rất khó khăn trong việc tìm kiếm quỹ đất phù hợp để đầu tư kho, bãi tại Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2021 trong tình hình có rất nhiều khó khăn. Đại dịch Covid 19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến tình trạng thiếu hụt container của các hãng tàu làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng kho bãi. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên một số nhà máy dừng hoạt động sản xuất tạm thời, một số nhà máy hoạt động cầm chừng nên cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải.

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	2021		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Tổng doanh thu	238.806	247.000	237.173	96,02	99,32
Lợi nhuận trước thuế	14.240	14.000	13.338	95,27	93,66

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2021 có doanh thu và lợi nhuận đều sụt giảm so với thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 do các yếu tố sau :

Dịch vụ khai thác kho bãi là dịch vụ đem lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty các năm trước đây. Dịch vụ kho bãi chủ yếu vẫn là hợp tác kinh doanh với các đơn vị truyền thống và cung cấp dịch vụ cho các hãng container leasing. Từ đầu năm 2021, sản lượng các hãng leasing sụt giảm nghiêm trọng do tình trạng thiếu hụt container của các hãng tàu, có thời điểm giảm đến 90% so với năm 2020. Trong năm 2021, doanh thu từ hoạt động kho bãi giảm 15% so với thực hiện năm 2020.

Dịch vụ vận tải nội địa gặp khó khăn do tình hình khan hiếm vỏ container đặc biệt là vỏ 40', giá cước biển và cước bộ đều tăng, các hãng tàu nội địa nhiều lúc chỉ đáp ứng 50% chỗ trên tàu do khó khăn về phương tiện vận chuyển. Một số thời điểm dịch bệnh bùng phát, các điểm đóng trả hàng không bố trí được công nhân bốc xếp cũng phải dừng hoạt động.

Dịch vụ vận tải bộ có sự sụt giảm mạnh so với năm 2020. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, một số khách hàng đã thay đổi phương thức vận chuyển từ đường bộ sang đường thủy nội địa nhằm tiết giảm chi phí vận chuyển và giảm thiểu ảnh hưởng của việc hạn chế đi lại qua vùng có dịch.

Nguyên nhân và các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh

- Thị phần khai thác container shipping dành cho các doanh nghiệp khai thác depot đơn thuần ngày càng thu hẹp do các hãng tàu nước ngoài có xu hướng liên doanh, liên kết với các cảng biển hoặc tự tổ chức khai thác để khép kín dịch vụ, hạn chế sử dụng các bãi container ngoài dẫn đến sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các doanh nghiệp khai thác depot.

- Tại Hải Phòng, các depot của Công ty đều có vị trí địa lý không còn thuận lợi.

Cơ sở hạ tầng kho bãi xuống cấp và chưa được đầu tư nên khó cạnh tranh được với các bãi mới xây dựng trên hệ thống kho bãi hiện đại, áp dụng mô hình hệ thống quản lý tiên tiến. Các kho bãi mới hoạt động đều có mô hình kết nối với các dịch vụ của các cảng và có xu hướng trở thành các bãi vệ tinh của cảng nên các doanh nghiệp không có sự kết nối chuỗi dịch vụ với cảng rất khó khăn trong hoạt động khai thác.

- Tại TP.HCM các depot của Công ty nằm tại các vị trí gần các cụm công nghiệp, xa cảng nên có sự cạnh tranh gay gắt về phương thức tiếp cận hăng tàu trong việc sử dụng depot. Các khu đất đều không có cơ sở pháp lý đầy đủ, đất thuê ngắn hạn hàng năm và bị nằm trong quy hoạch đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đầu tư, duy tu, sửa chữa dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh và rất khó khăn trong công tác duy trì, phát triển khách hàng container shipping.

- Dịch vụ vận tải với tình hình cạnh tranh gay gắt khiến Công ty phải chia sẻ sản lượng và giảm giá cước trong kho các chi phí đầu vào có chiều hướng gia tăng. Đội vận tải đa phần là các xe có tuổi đời cao, tải trọng thấp nên năng lực chưa phù hợp với thị trường hiện tại, khi có sự thay đổi về khách hàng truyền thống dẫn đến cơ cấu mặt hàng vận chuyên thay đổi thì Công ty không đáp ứng kịp với nhu cầu của thị trường.

- Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 tác động đến toàn bộ nền kinh tế, gây ra gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng gây mất cân bằng trong lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông Đoàn Ngọc Tú – Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 09/4/1979

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031079001279

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 169 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải

Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/01/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty (miễn nhiệm ngày 19/4/2021)

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Bà Trần Thị Hằng – Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty

Ngày sinh: 30/7/1980

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031038060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 30/29 Hai Bà Trưng, An Biên, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán

Chức vụ hiện tại: Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng TCKT Công ty (bổ nhiệm ngày 17/01/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0CP (0%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Mai Tiến Sỹ - Phó Tổng giám đốc được miễn nhiệm chức vụ ngày 19/4/2021 để nghỉ việc vì lý do cá nhân.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tại thời điểm 01/01/2021 là 166 người, tại 31/12/2021 là 139 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2021, Công ty không có các khoản đầu tư lớn được thực hiện.

Tình hình thực hiện các dự án và xử lý cơ sở nhà đất:

- *Xử lý cơ sở nhà đất tại ICD Gia Lâm Hà Nội:*

Năm 2021, Công ty đã trình cấp có thẩm quyền Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại ICD Gia Lâm theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP là: ***Bán tài sản trên đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm thông qua phương thức đấu giá, bên nhận chuyển nhượng tài sản trên đất được tiếp tục cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.*** Hiện Công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Về việc HTĐT, HTKD các dự án tại Tp.Hồ Chí Minh:

Trong năm 2021, việc HTĐT, HTKD các dự án chưa đạt được kết quả cụ thể. Công ty đang nghiên cứu các giải pháp hữu hiệu, tiếp tục đàm phán, thương thảo với đối tác về HTKD, HTĐT, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, xem xét chủ trương hợp tác/chấm dứt hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh giữa Công ty và đối tác.

Tương tự tại dự án ICD Gia Lâm, Công ty đã trình cấp có thẩm quyền Báo cáo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại ICD Phước Long theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Phương án xử lý đề xuất đối với cơ sở nhà, đất tại ICD Phước Long, Tp.Hồ Chí Minh là thực hiện theo hình thức “**Chuyển mục đích sử dụng đất**”, trên cơ sở đó, Công ty sẽ hợp tác kinh doanh với đối tác khác có đủ năng lực, kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,1% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải Công ty dự kiến kết quả kinh doanh năm 2021 như sau:

Doanh thu:	20.686.363.409 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	770.144.819 đồng
Nộp NSNN:	451.878.011 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	268,336,190,527	250,482,329,147	-7%
Doanh thu thuần	232,243,606,863	221,027,980,655	-5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,104,046,730	12,736,479,427	15%

Lợi nhuận khác	3,136,490,502	651,956,877	-79%
Lợi nhuận trước thuế	14,240,537,232	13,388,436,304	-6%
Lợi nhuận sau thuế	11,453,429,786	10,791,590,493	-6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12 % VĐL	8% VĐL	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,54	2.78	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,5	2.75	
<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0.41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,7	0.68	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	85	51	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.87	0.88	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.07	0.07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.04	0.04	
+ Hệ số Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0.12	0.11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 11/10/2021):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	52,890	4.760.106
	Cá nhân	47,104	4.239.385
2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức	0	0
	Cá nhân	0,006	509
3	Cổ phiếu quỹ		2

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác:

Không thay đổi

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trên tất cả các cơ sở SXKD, đội phương tiện, thiết bị của Công ty luôn được bảo dưỡng, bảo trì, kiểm tra định kỳ nhằm tiết kiệm tối đa nhiên liệu, giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải, vận tải, kho bãi, logistics, Công ty không sử dụng nhiều nguyên vật liệu trong quá trình SXKD.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Năm 2021, Công ty tiêu thụ 120.000KWh điện, 194 tấn xăng dầu.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không

6.4. Tiêu thụ nước:

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Năm 2021, Công ty tiêu thụ 11.000m³ nước từ nguồn cấp nước sạch của các tỉnh, thành phố có cơ sở SXKD.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:*

Lượng nước tiêu thụ của Công ty không được tái chế, tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường nên nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quang sạch đẹp tại các cơ sở SXKD. Công ty luôn tuyên truyền đến người lao động để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật môi trường, hưởng ứng “Ngày Môi trường thế giới” góp phần cải thiện môi trường làm việc và sinh hoạt chung.

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.*

Số lượng lao động bình quân năm 2021 là 144 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 12,42 triệu đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

- Tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động làm việc tại Công ty.
- Trang bị đầy đủ BHLĐ, phương tiện làm việc an toàn cho người lao động.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động*

Lãnh đạo, nhân viên Công ty đã tham gia các chương trình đào tạo phát triển

kỹ năng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức bằng hình thức trực tuyến.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong một năm đại dịch covid-19 gây lên những ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, toàn xã hội tập trung vào vấn đề sức khỏe cộng đồng, người dân, Chính phủ, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận đều nỗ lực để giải quyết các vấn đề thiết yếu nổi lên. Công ty cũng thể hiện trách nhiệm xã hội, đồng hành chống dịch cùng cả nước trong các hoạt động, cụ thể:

- Ủng hộ Quỹ vắc xin của Chính phủ: 500 triệu đồng (Thông qua Tổng công ty Hàng hải Việt Nam). Trong đó, ghi nhận vào chi phí Công ty : 444,5 triệu đồng, Người lao động : 55,5 triệu đồng

- Ủng hộ người lao động phía Nam bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19: 31,1 triệu đồng (Thông qua Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam)

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Công ty chưa tham gia.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước sang năm 2021, Công ty phải đối mặt với ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh kho bãi có sản lượng sụt giảm nghiêm trọng do việc thiếu hụt container của các hãng tàu, có thời điểm sản lượng giảm 90% so với năm 2020. Công ty đã chỉ đạo quyết liệt các Chi nhánh cùng với cùng sự bám sát phối hợp từ các phòng ban chuyên môn trong công tác phát triển thị trường, quản trị, quản lý và điều hành hoạt động SXKD nên mặc dù khó khăn do dịch bệnh, Công ty vẫn đạt được kết quả 96% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Những tiến bộ đã đạt được:

Công tác thị trường, tiếp xúc khách hàng đã được đẩy mạnh nhờ đó Công ty có thể nắm bắt được nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ của khách hàng.

Xây dựng các sản phẩm phù hợp với năng lực của Công ty để đáp ứng cho các khách hàng được xác định và khách hàng mục tiêu đảm bảo được chất lượng tạo ra sự ổn định cho hoạt động SXKD của Công ty.

Áp dụng các quy trình trong hoạt động SXKD nhờ đó tiết giảm được chi phí khai thác và nâng cao năng suất lao động. Đẩy mạnh công tác rà soát quy trình, quy chế, kiện toàn phù hợp với tình hình thực tế theo trình độ lao động, cơ cấu nhân sự và sản phẩm dịch vụ mà Công ty cung cấp.

Chủ động được các kế hoạch SXKD theo nhu cầu của khách hàng, tạo ra được năng suất trong lao động cũng như việc chủ động nắm bắt được thông tin của khách hàng, tạo niềm tin và mang đến sự hài lòng cho khách hàng.

Sắp xếp, tinh gọn nhân sự cho hoạt động khai thác theo đúng năng lực của cán bộ, kịp thời động viên khích lệ tinh thần của người lao động.

Đã xây dựng văn hóa lắng nghe, thấu hiểu khách hàng và lấy khách hàng làm trung tâm.

Từng bước khôi phục lại dịch vụ đại lý tàu của Công ty.

Giữ vững các dịch vụ truyền thống của Công ty, phát triển thêm dịch vụ kinh doanh thương mại năm 2021.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản: Tại 31/12/2021 của Công ty là 250.482 triệu đồng, giảm 6,7 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn: Tại 31/12/2021 là 129.566 triệu đồng, chiếm 51,7% tổng tài sản, giảm 11,1 % so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu giảm từ các khoản như: Tiền và các khoản tương đương tiền là 6.689 triệu đồng (26,4%), Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 2.727 triệu đồng (4,2%); phải thu ngắn hạn là 3.657 triệu đồng (6,5%).....). Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, Đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng 43,1%, Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 40,8%, Công ty có lượng tiền (gửi ngân hàng) chiếm 62% vốn điều lệ.

- Tài sản dài hạn: Tại ngày 31/12/2021 Tài sản dài hạn là 120.916 triệu đồng, chiếm 48,3 % tổng tài sản, giảm 3.513 triệu đồng (2,8%) so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu giảm do trích khấu hao TSCĐ, và thanh lý tài sản). Trong cơ cấu tài sản dài hạn, Tài sản chiếm tỷ trọng chủ yếu (62%) trong đó tài sản cố định chiếm (20,8%); tài sản dở dang dài hạn (41,2%), phù hợp với cơ cấu của doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả: Tại 31/12/2021 của Công ty là 101.781 triệu đồng, giảm 8,2 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Nợ phải trả ngắn hạn : Tại 31/12/2021 là 46.592 triệu đồng, chiếm 45,8% tổng nợ phải trả, giảm 17,7 % so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu giảm từ các khoản như: Phải trả người bán là 7.941 triệu đồng (17%), Phải trả người lao động là 5.812 triệu đồng (12,5%).

- Nợ phải trả dài hạn: Tại ngày 31/12/2021 55.189 triệu đồng, chiếm 54,2 % tổng tài sản, tăng 898 triệu đồng (1,6%) so với cùng kỳ năm trước, Nợ phải trả dài hạn phù hợp với cơ cấu của doanh nghiệp.

Công ty hầu như không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

Liên quan đến Dự án Bắc Rạch Chiếc, giá trị 54,303 tỷ đồng nợ phải trả dài hạn tương

đương với tài sản, chiếm 21,7% tổng nguồn vốn/tổng tài sản.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty đã thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiện đại, đảm bảo tính chủ động và sự liên kết hiệu quả của hệ thống bộ máy; sáp nhập các đơn vị, phòng ban, bộ phận nhằm đảm bảo giảm chi phí quản lý chung, nâng cao khả năng liên kết, hỗ trợ và quản lý tập trung;

- Xây dựng các hành lang pháp lý, sửa đổi Điều lệ Công ty, xây dựng và sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ phù hợp đảm bảo sự chặt chẽ trong công tác quản trị, nâng cao tính chủ động trong công việc, chống thất thoát và lãng phí, gắn bó trách nhiệm của các cá nhân tập thể trong công tác vận hành bộ máy.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đánh giá về tiềm năng và dư địa phát triển của dịch vụ logistics trong giai đoạn tới Việt Nam đang có nhiều lợi thế để phát triển ngành vận tải và logistics:

Thứ nhất, trao đổi thương mại toàn cầu gia tăng cùng với việc hội nhập kinh tế quốc tế và việc ký kết thành công các Hiệp định thương mại tự do, mở ra cánh cửa giao thương ngày càng rộng lớn cho Việt Nam.

Thứ hai, vị trí địa lý của Việt Nam thích hợp để xây dựng các trung tâm trung chuyển của khu vực Đông Nam Á.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng logistics như kho bãi, đường cao tốc, cảng biển, cảng hàng không... đang không ngừng được cải thiện.

Do vậy Công ty định hướng tập trung phát triển các dịch vụ như sau:

- Vận tải đường bộ: Vận tải là mắt xích trọng nhất trong các hoạt động logistics. Chi phí vận tải chiếm phần chính trong chi phí logistics. Khoảng 1/3 đến 2/3 chi phí logistics của doanh nghiệp là chi phí vận tải. Vận tải đường bộ đang chiếm 75% lượng hàng hoá vận tải nội địa của cả nước. Vimadeco tập trung phát triển chất lượng và số lượng đội xe vận tải, kết hợp với các đơn vị thành viên vận tải và các nhà xe ngoài để có thể tham gia đấu thầu các nhà máy, xí nghiệp có quy mô tại các khu công nghiệp trên địa bàn TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên...

- Vận tải đường biển: Vimadeco tập trung xây dựng nguồn lực để phát triển dịch vụ giao nhận vận tải cước quốc tế cho hàng nguyên cont, hàng lẻ, dịch vụ giao nhận vận tải biển nội địa để cung cấp cho khách hàng các chuỗi đa phương thức đặc biệt khi chính phủ đã có quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, đây là dịch vụ quan trọng mà Vimadeco cần hướng tới để trở thành 1 trong các nhà NVOCC tại Việt Nam, tận dụng được thế mạnh hiện hữu của dịch vụ là đơn vị lâu năm trong việc cho thuê container để hỗ trợ cho việc phát triển dịch vụ giao nhận vận tải đường biển.

- Vận tải thuỷ nội địa: cùng với các khách hàng truyền thống lâu năm của Công ty

giữ vững và phát triển sản lượng cho khách hàng đồng thời cũng phát triển thêm các khách hàng tiềm năng với ưu điểm vận chuyển được khối lượng hàng lớn với chi phí cạnh tranh, góp phần giảm thiểu chi phí logistics cho sản phẩm, đây là dịch vụ mà Công ty cần tập trung phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

- Dịch vụ hải quan: đây là một trong các dịch vụ gắn kết cơ bản với các dịch vụ giao nhận, logistics. Trong thời gian qua, khu vực phía Bắc của Công ty đã phát triển loại hình dịch vụ này cho các nhà máy lớn của Toyota, Nitori rất tốt và thuận lợi, tuy nhiên dịch vụ này phát triển chưa đồng bộ tại tất cả các chi nhánh của công ty, do vậy định hướng Công ty trong thời gian tới sẽ phát triển dịch vụ này tại khu vực miền Nam và các tỉnh lân cận, tạo được giá trị gia tăng cho khách hàng của Công ty.

- Dịch vụ trung tâm logistics tích hợp: với định hướng quy hoạch cửa ngõ cảng biển khu vực và quốc tế tại Hải Phòng và Cái Mép, để đáp ứng các nhu cầu lưu trữ, phân loại, đóng gói và vận chuyển hàng hoá từ các đầu mối đi các khu vực, Công ty Vimadeco định hướng xây dựng ít nhất 2 trung tâm phân phối logistics, sử dụng CSHT sẵn có hoặc đầu tư hợp tác với các đơn vị thành viên trực thuộc VIMC với các diện tích dự kiến từ 2-5 ha, chức năng hoàn tất phân phối hàng hoá, áp dụng CNTT trong chuyển đổi và quản lý, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của nhóm khách hàng mục tiêu mà Công ty hướng tới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty thực hiện các quy định chặt chẽ về xử lý rác thải tại địa bàn hoạt động SXKD, ký hợp đồng trực tiếp với các công ty môi trường để xử lý rác thải các loại và thực hiện vệ sinh môi trường làm việc. Việc thực hành tiết kiệm trong việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước luôn được Công ty coi trọng nhằm tiết giảm chi phí SXKD và bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường luôn được Công ty tuyên truyền, quán triệt đến từng người lao động, từng cơ sở SXKD nhằm cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Từng người lao động trong Công ty và người thân luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động (NLD). Trong điều kiện đại dịch covid 19 về cơ bản công ty vẫn duy trì được việc làm, ổn định thu nhập cho NLD; Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; tổ chức Hội nghị NLD hàng năm; xây dựng và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể; 100% NLD được đóng

BHXH, BHYT, BHTN; được trang bị BIILĐ và huấn luyện ATVSLĐ hàng năm. Năm 2021, Công ty đã hỗ trợ các vật tư, dụng cụ chính phục vụ phòng chống dịch bệnh cho NLĐ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn thực hiện tốt các chủ trương và chính sách phát triển của địa phương nơi có cơ sở SXKD; nghiêm túc triển khai các kế hoạch phòng chống dịch Covid 19 của địa phương nơi có cơ sở SXKD; Tích cực tham gia các hoạt động Hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề và phát triển cộng đồng doanh nghiệp; tham gia các chương trình thiện nguyện; phối hợp tốt với địa phương thực hiện công tác ANTT tại địa bàn ngăn ngừa tội phạm.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2021, Công ty đã tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh với trọng tâm phát triển thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, đổi mới quy trình quản lý hoạt động, đẩy mạnh tái cơ cấu tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra, trong đó tổng doanh thu: 237,17 tỷ đồng, đạt 96,0% kế hoạch và bằng 99,31 % so với thực hiện năm 2020; Lợi nhuận trước thuế: 13,38 tỷ đồng, đạt 95,57% kế hoạch và bằng 93,96% so với thực hiện năm 2020.

Bên cạnh đó, vẫn có không ít những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành hàng hải nói chung và Công ty nói riêng: Tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid đến nền kinh tế thế giới, các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều đối tác lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, với khả năng tài chính mạnh, sự linh hoạt tối ưu trong các cơ chế đối với khách hàng, công tác thị trường tiếp tục là những yếu tố bất lợi, trực tiếp tác động tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đồng thời, Công ty vẫn còn một số hạn chế như: Thị trường dịch vụ còn hẹp với thị phần thấp, khả năng tìm kiếm thị trường mới chưa được thúc đẩy mạnh, vị trí kho, bãi của Công ty nằm xa trung tâm khai thác cảng của khu vực; quy mô đầu tư nhỏ với thiết bị chưa đồng bộ nên rất khó khăn trong công tác phát triển thị trường; Việc đầu tư, mở rộng hệ thống kho bãi để phục vụ phát triển SXKD chưa thực hiện được; Năng lực của cán bộ làm thị trường còn hạn chế, đội ngũ cán bộ làm thị trường còn thiếu cả về số lượng và chất lượng; Hoạt động dịch vụ của các đơn vị trực thuộc trong Công ty tương đối độc lập, chưa tạo sự được gắn kết để thúc đẩy giá trị gia tăng, hình thành các chuỗi dịch vụ khép kín.

Về vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành, hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban TGD chủ động và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ đã giao. Trong năm 2021, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt ảnh hưởng do dịch Covid bùng phát, lan rộng nhưng Ban TGD đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ, HĐQT giao. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan, việc thực hiện một số Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT còn chưa đảm bảo thời gian, tiến độ cũng như mục tiêu, kế hoạch yêu cầu.

Trong thời gian tới, Ban TGD cần tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh phát triển thị trường, mở rộng khách hàng, duy trì được các dịch vụ truyền thống, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ, HĐQT giao; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chỉ đạo hoạt động của Công ty để hoàn thành các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD đã đề ra, đồng thời giám sát và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

HĐQT Công ty cũng đã xây dựng chương trình hành động của HĐQT năm 2022 để chỉ đạo Ban điều hành Công ty với một số nội dung chính, cụ thể như sau:

***. Công tác phát triển thị trường**

- Đẩy mạnh công tác thị trường, khách hàng, xây dựng chân dung khách hàng mục tiêu và đưa ra tuyên bố hành động của Công ty “Vimadeco xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm, từ tuyên bố đến hành động”.

- Tăng cường đẩy mạnh sự phối hợp với các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trong việc hợp tác kinh doanh theo Quy chế phối hợp để phát triển dịch vụ vận tải ven biển, vận tải xa lan kết nối cụm cảng Vũng Tàu - TP HCM - ĐBSCL - Campuchia.

- Nghiên cứu, thành lập Trung tâm dịch vụ logistics có quy mô hiện đại, đồng bộ tại khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và phía Bắc; Phối hợp với các doanh nghiệp trong Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện các dịch vụ chuỗi trên

cơ sở tích hợp thế mạnh của ba khối vận tải biển, cảng biển, dịch vụ hàng hải nhằm đạt hiệu quả cao nhất; Phối hợp với Tổng công ty trong việc thực hiện đầu tư khu hậu cần dịch vụ logistics tại khu cảng nước sâu Lạch Huyện, tạo quỹ đất cho Công ty xây dựng Trung tâm tiếp vận và sửa chữa container phục vụ SXKD trong các giai đoạn tiếp theo. Trước mắt, tham gia phát triển dịch vụ chuỗi logistics cung cấp cho khách hàng tại khu vực Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang.

- Duy trì và phát triển thị trường container leasing, container shipping, cho thuê container nội địa, kinh doanh khai thác kho, bãi, logistics, vận tải bộ và cung cấp nhiên liệu.

***. Công tác tài chính và đầu tư**

- Hoàn thiện và tăng cường công tác quản trị tài chính, tăng cường chức năng giám sát tài chính từ Công ty đến các Chi nhánh, ứng dụng công nghệ thông tin trong chế độ báo cáo tài chính và giám sát tài chính.

- Rà soát, xây dựng cơ chế thu hồi công nợ phải thu đặc biệt công nợ khó đòi để đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ khó khăn, triển khai thực hiện việc HTĐT, HTKD các dự án phía Nam.

- Hoàn thành việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại Công ty VNLSY.

- Nghiên cứu xây dựng phương án thoái vốn đầu tư của Công ty tại Công ty CP Dịch vụ HH Hải Âu.

- Hoàn thành việc sắp xếp lại cơ sở nhà, đất tại ICD Gia Lâm, Hà Nội.

- Tìm kiếm quỹ đất để xây dựng depot mới tại khu vực phía Nam và phía Bắc để đầu tư hoặc hợp tác đầu tư.

***. Quản trị doanh nghiệp**

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình tác nghiệp, quy định liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty đồng thời xây dựng giải pháp đổi mới, nâng cao công tác quản trị, điều hành Công ty nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực để hoàn thiện Phương án tái cơ cấu toàn diện theo hướng tinh giản, đảm bảo hiệu quả, nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, xây dựng bổ sung các quy chế nội bộ phục vụ cho hoạt động của Công ty; xây dựng quy trình theo tiêu chuẩn được số hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất và tạo môi trường kinh doanh thúc đẩy tính linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

***. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số**

- Chuyển đổi số các nghiệp vụ quản trị văn phòng.

- Hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng hoạt động SXKD, quản trị doanh nghiệp, quản lý nhân sự....

- Thực hiện công tác truyền thông phát triển thương hiệu Công ty.

***. Công tác đào tạo cán bộ, chính sách tiền lương:**

- Hoàn thiện chế độ tiền lương theo hệ thống trả lương 3Ps trên cơ sở 03 hệ thống đánh giá, đánh giá chuẩn năng lực theo vị trí, đánh giá giá trị công việc, đánh giá kết quả công việc theo KPI; chú trọng nâng cao chế độ đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để giữ vững nguồn nhân lực hiện có đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo hiệu quả SXKD cho Công ty.

***. Công tác kiểm tra, giám sát:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ được giao và thực hiện quy chế, điều lệ đảm bảo quy định; đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh sai phạm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT, chức danh quản lý do TV HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	0%	0	
2	Ông Đoàn Ngọc Tú	TV HĐQT	0%	0	
3	Ông Nguyễn Chí Kiên	TV HĐQT	0,55%	0	
4	Ông Vũ Trường Giang	TV HĐQT	0,535%	0	
5	Ông Thân Trọng Thảo	TV HĐQT độc lập	0%	1	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Chưa thành lập tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty đã thực hiện các hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tình hình thực tế SXKD, HĐQT Công ty đã thường xuyên chỉ đạo triển khai các hoạt động về quản trị và sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ và đột xuất để ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên. Ngoài ra, HĐQT cũng kịp thời chỉ đạo và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty.

HĐQT đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ và diễn biến tình hình thị trường và hoạt động của Công ty để đưa ra định hướng, chiến lược tác động tích cực đến hoạt động của Công ty, nhằm mục tiêu giữ được sự ổn định và phát triển bền vững.

Năm 2021, HĐQT Công ty đã họp 10 phiên, lấy ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản/ email và ban hành 47 Nghị quyết và 21 Quyết định trong nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT cũng đã chỉ đạo rà soát, phê duyệt cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty và quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các đơn vị, đồng thời kịp thời sửa đổi, xây dựng bổ sung các quy chế nội bộ phục vụ cho hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 07/NQ-PTHH	29/01/2021	Về công tác cán bộ	100%
2	NQ số 14/NQ- PTHH	03/2/2021	Thông qua Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021	100%
3	Nghị quyết số 15/ NQ-PTHH	03/2/2021	Họp HĐQT ngày 18/01/2021	90%
4	Nghị quyết số 21/NQ-PTHH	19/02/2021	Về công tác cán bộ	100%
5	Nghị quyết số 23/NQ-PTHH	26/02/2021	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
6	Nghị quyết 34/NQ-PTHH	18/3/2021	Họp HĐQT ngày 09/3/2021	100%
7	Nghị quyết số 35/NQ-PTHH	19/3/2021	Họp HĐQT ngày 17/3/2021	100%
8	Quyết định số 36/QĐ-PTHH	24/3/2021	Thành lập Hội đồng phỏng vấn vị trí chức danh Kế toán trưởng Công ty	100%
9	Nghị quyết số 42/NQ-PTHH	02/4/2021	Về công tác cán bộ	100%

10	Nghị quyết số 44/NQ-PTHH	09/4/2021	Thông qua Chương trình hành động của HĐQT năm 2021	100%
11	Quyết định số 46/QĐ-PTHH	19/4/2021	Về công tác cán bộ	100%
12	Nghị quyết số 48/NQ-PTHH	20/4/2021	Thông qua các tài liệu để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
13	Nghị quyết số 47/NQ-PTHH	20/4/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
14	Nghị quyết số 55/NQ-PTHH	05/5/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
15	Quyết định số 57/QĐ-PTHH	06/5/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
16	Quyết định số 58/QĐ-PTHH	06/5/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
17	Nghị quyết số 61/NQ-PTHH	12/5/2021	Họp HĐQT ngày 06/5/2021	100%
18	Nghị quyết số 62/NQ-PTHH	12/5/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
19	Nghị quyết số 69/NQ-PTHH	03/6/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
20	Nghị quyết số 70/NQ-PTHH	09/6/2021	Họp HĐQT ngày 03/6/2021	100%
21	Nghị quyết số 71/NQ-PTHH	10/6/2021	Về việc thông qua chi cở tức năm 2019	100%
22	Nghị quyết số 73/NQ-PTHH	16/6/2021	Thông qua việc thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ	80%
23	Quyết định số 74/QĐ-PTHH	16/6/2021	Thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ	80%
24	Nghị quyết số 75/NQ-PTHH	17/6/2021	Về việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021	100%
25	Nghị quyết số 77/NQ-PTHH	18/6/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
26	Nghị quyết số 79/NQ-PTHH	25/6/2021	Về các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty CP dịch vụ Hàng hải Hải Âu	100%
27	Nghị quyết số 82/NQ-PTHH	02/7/2021	Nghị quyết về công tác cán bộ	100%
28	Nghị quyết số 87/NQ-PTHH	08/7/2021	Thông qua Bộ Quy tắc ứng xử của Công ty	100%
29	Nghị quyết số	12/7/2021	Thông qua các Quy chế nội bộ của	100%

	88/NQ-PTHH		Công ty	
30	Quyết định số 89/QĐ-PTHH	14/7/2021	Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty	100%
31	Nghị quyết số 92/NQ-PTHH	20/7/2021	Về việc hoàn thiện quy phạm nội bộ và công tác quản trị rủi ro	100%
32	Nghị quyết số 93/NQ-PTHH	21/7/2021	Họp HĐQT ngày 14/7/2021	100%
33	Nghị quyết số 99/NQ-PTHH	03/8/2021	Thông qua Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
34	Nghị quyết số 100/NQ-PTHH	25/6/2021	Thông qua Quy chế Quản lý và hoạt động của NĐDPV của Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
35	Quyết định số 105/QĐ-PTHH	05/8/2021	Phê duyệt Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
36	Quyết định số 106/QĐ-PTHH	05/8/2021	Ban hành Quy chế Quản lý và hoạt động của NĐDPV của Công ty CP Phát triển Hàng hải	100%
37	Nghị quyết số 110/NQ-PTHH	24/8/2021	Phê duyệt BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét để Công ty thực hiện công bố thông tin	100%
38	Nghị quyết số 119/NQ-PTHH	09/9/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
39	Nghị quyết số 125/NQ-PTHH	17/9/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
40	Nghị quyết số 126/NQ-PTHH	17/9/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
41	Nghị quyết số 129/NQ-PTHH	21/9/2021	Thông qua việc chi cổ tức năm 2020	100%
42	Nghị quyết số 131/NQ-PTHH	24/9/2021	Về việc cho thuê tài sản tại Bãi Nam Hòa 1	100%
43	Nghị quyết số 133/NQ-PTHH	30/9/2021	Họp HĐQT ngày 24/9/2021	100%
44	Nghị quyết số 134/NQ-PTHH	30/9/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
45	Nghị quyết số 136/NQ-PTHH	07/10/2021	Về việc thực hiện giao dịch bán cổ phiếu VLG và cổ phiếu VOS	100%
46	Nghị quyết số 143/NQ-PTHH	21/10/2021	Thông qua các Quy chế nội bộ của Công ty	100%

47	Quyết định số 144/QĐ-PTHH	21/10/2021	Ban hành Quy chế về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, biệt phái, luân chuyển cán bộ	100%
48	Quyết định số 145/QĐ-PTHH	21/10/2021	Ban hành Quy chế phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ và lao động, tiền lương	100%
49	Quyết định số 146/QĐ-PTHH	21/10/2021	Ban hành Quy chế Quản lý tài chính	100%
50	Nghị quyết số 160/NQ-PTHH	19/11/2021	Thông qua Quy chế quản lý, sử dụng vốn, tài sản và phân cấp thực hiện một số hoạt động tài chính tại các Đơn vị phụ thuộc của Công ty	100%
51	Quyết định số 162/QĐ-PTHH	19/11/2021	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn, tài sản và phân cấp thực hiện một số hoạt động tài chính tại các Đơn vị phụ thuộc của Công ty	100%
52	Nghị quyết số 166/NQ-PTHH	02/12/2021	Thông qua Quy chế đầu tư, mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ của Công ty	100%
53	Quyết định số 167/QĐ-PTHH	02/12/2021	Ban hành Quy chế đầu tư, mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ của Công ty	100%
54	Nghị quyết số 168/NQ-PTHH	06/12/2021	Về việc không đồng ý tăng vốn điều lệ tại Công ty VNLSY	100%
55	Nghị quyết số 169/NQ-PTHH	08/12/2021	Thông qua Kế hoạch thanh lý TSCĐ năm 2021 và Sửa chữa tại khu vực Hải Phòng	100%
56	Nghị quyết số 173/NQ-PTHH	09/12/2021	Thông qua Kế hoạch tuyển dụng vị trí Kế toán trưởng Công ty	100%
57	Quyết định số 177/QĐ-PTHH	10/12/2021	Thành lập Hội đồng thi tuyển, Tổ giúp việc, Thư ký Hội đồng thi tuyển chức danh Kế toán trưởng Công ty	100%
58	Nghị quyết 178/NQ-PTHH	10/12/2021	Thông qua Quy chế nội bộ của Công ty	100%
59	Quyết định số 179/QĐ-PTHH	10/12/2021	Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty	100%
60	Quyết định số 180/QĐ-PTHH	10/12/2021	Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng các quỹ	100%
61	Quyết định số 181/QĐ-PTHH	10/12/2021	Ban hành Quy chế Quản lý nợ	100%
62	Nghị quyết số 185/NQ-PTHH	20/12/2021	Về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty với đơn vị có liên quan trong nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	100%
63	Nghị quyết số 189/NQ-PTHH	28/12/2021	Họp HĐQT ngày 21/12/2021	100%
64	Nghị quyết số 193/NQ-PTHH	31/12/2021	Thông qua Quy chế nội bộ của Công ty	100%

65	Quyết định số 194/QĐ-PTHH	31/12/2021	Ban hành Quy chế Quản trị rủi ro của Công ty	100%
66	Quyết định số 195/QĐ-PTHH	31/12/2021	Ban hành Quy chế về quy trình quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Công ty	100%
67	Quyết định số 196/QĐ-PTHH	31/12/2021	Ban hành Quy chế phân cấp và quản lý hoạt động đầu tư của Công ty	100%
68	Quyết định số 197/QĐ-PTHH	31/12/2021	Ban hành Quy chế quy định giám sát, nghiệm thu dự án đầu tư xây dựng công trình của Công ty	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện đầy đủ việc đóng góp ý kiến bằng văn bản/ email đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các TV HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	0%
2	Bà Tạ Kim Chi	Thành viên BKS (miễn nhiệm từ 27/4/2021)	0,0138%
3	Bà Dương Thu Hiền	Thành viên BKS	0%
4	Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên BKS(bổ sung từ 27/4/2021)	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trước và sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021, BKS đã thực hiện các công việc chuẩn bị cho Đại hội, xây dựng kế hoạch và thực hiện trên cơ sở Quy định phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban và hoạt động theo Quy chế và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định với tỷ lệ tham gia dự họp của các Thành viên BKS là 100%, nội dung kết quả các cuộc họp của BKS đều được các thành viên tham gia biểu quyết thống nhất thông qua. BKS đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập, thông qua kế hoạch hoạt động gửi HĐQT/BĐH. Ngoài ra, các thành viên BKS luôn duy trì trao đổi, thảo luận công việc khi phát sinh để đưa ra khuyến nghị kịp thời.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD; giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và của HĐQT. BKS tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban khi được thông báo.

- Giám sát việc thực hiện Quy chế nội bộ của Công ty, có kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới phù hợp với quy định hiện hành, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

- Thẩm định các báo cáo theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: (1) Báo cáo kết quả kinh doanh; (2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 6 tháng/năm nhằm đánh giá bức tranh kinh doanh, tài chính thông qua các chỉ số hoạt động, hiệu quả và tài chính; (3) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám Đốc khi nhận được thông báo và trao đổi, thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị khách quan, độc lập về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cụ thể, năm 2021, Ban kiểm soát đã có các buổi làm việc:

- Ngày 31/3/2021: Thẩm định BCTC đã kiểm toán năm 2020 báo cáo ĐHCĐ Công ty năm 2021.

- Ngày 16/7/2021: làm việc với Chi nhánh Công ty tại Tp.Hà Nội kiểm tra, rà soát công tác TCKT, hoạt động SXKD và tính tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế/quy định nội bộ 6 tháng đầu năm 2021; kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ 2021, Nghị quyết của HĐQT.

- Từ 30/7/2021 đến 02/8/2021: Thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2021 đã được AASC kiểm toán; thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ 2021, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2021.

- Ngày 30/12/2021: làm việc với Công ty về việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ 2021, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát tháng 8 năm 2021.

Từng thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo phân công một cách nghiêm túc, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng vẫn có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung, thường xuyên trao đổi, hỗ trợ các thành viên còn lại để thực hiện công việc một cách khách quan đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của

BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các TV HĐQT thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số quy chế đã không còn phù hợp với tình hình thực tế Công ty, điển hình như Quy chế tuyển dụng. BKS đã kiến nghị HĐQT xem xét, sửa đổi và ban hành quy chế phù hợp trước khi ban hành Nghị quyết và triển khai công việc.

Ban TGD trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của đơn vị trên cơ sở Nghị quyết của ĐHCĐ, các NQ, QĐ của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Có một số công việc Ban TGD cần lưu ý về tiến độ thời gian thực hiện theo yêu cầu của HĐQT

Hoạt động của Ban kiểm soát tại các đợt kiểm tra, giám sát không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 2.162.639.309 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được lập ngày 08 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc các vấn đề sau:

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, các dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình và Bắc Rạch Chiếc - Phước Long A đang được thanh kiểm tra bởi các Cơ quan quản lý Nhà nước về việc thực hiện các dự án này, đến thời điểm 31/12/2021 vẫn chưa có kết luận cuối cùng về công tác thanh kiểm tra. Việc tiếp tục thực hiện các dự án này phụ thuộc vào quyết định của các Cơ quan có thẩm quyền.

Tại Thuyết minh số 32, Công ty đã trình bày khoản nợ tiềm tàng phải trả Công ty Cổ phần SACA, nhưng chưa xác định được cụ thể nghĩa vụ phải trả do diện tích đất phải bàn giao cho Công ty Cổ phần SACA đang có tranh chấp với Công ty Vĩnh Lộc.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Lê Văn Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán số: 3953-2018-
002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thu yết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129,566,309,404	143,906,610,060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	17,689,928,569	25,259,758,068
1. Tiền	111		17,689,928,569	24,041,362,753
2. Các khoản tương đương tiền	112			1,218,395,315
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	55,800,000,000	58,527,547,089
1. Chứng khoán kinh doanh	121			967,760,500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-696,692,182
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55,800,000,000	58,256,478,771
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,841,464,948	56,498,070,244
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	51,722,996,685	56,244,264,723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2,599,427,130	1,656,829,497

6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3,129,973,869	2,750,022,059
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-4,610,932,736	-4,153,046,035
IV. Hàng tồn kho	140	9	1,578,570,097	2,300,704,082
1. Hàng tồn kho	141		1,578,570,097	2,300,704,082
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,656,345,790	1,320,530,577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	345,713,185	402,030,859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,119,028,831	866,936,807
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	191,603,774	51,562,911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120,916,019,743	124,429,580,467
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25,381,263,831	25,381,263,831
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	24,653,398,581	24,653,398,581
6. Phải thu dài hạn khác	216	7	727,865,250	727,865,250
II. Tài sản cố định	220		25,184,668,774	28,590,437,903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	22,432,585,455	25,713,354,580
- Nguyên giá	222		128,217,535,021	128,344,859,662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		105,784,949,566	-102,631,505,082
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	2,752,083,319	2,877,083,323
- Nguyên giá	228		3,200,000,000	3,200,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-447,916,681	-322,916,677
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	49,792,445,000	49,615,413,232
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49,792,445,000	49,615,413,232
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	15,994,399,527	16,018,604,958
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5,400,000,000	5,400,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33,594,424,002	33,594,424,002
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-23,000,024,475	-22,975,819,044
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	13	4,563,242,611	4,823,860,543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,563,242,611	4,823,860,543
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		250,482,329,147	268,336,190,527
NGUỒN VỐN				

C. NỢ PHẢI TRẢ	300		101,781,498,316	110,928,527,847
I. Nợ ngắn hạn	310		46,592,083,051	56,636,761,133
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13,669,942,481	21,610,933,870
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14,963,034	230,827,890
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	15	1,551,876,844	2,375,777,246
4. Phải trả người lao động	314		2,955,800,650	8,807,687,905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	419,643,583	929,953,159
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	26,849,608,956	21,461,447,050
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,130,247,503	1,220,134,013
II. Nợ dài hạn	330		55,189,415,265	54,291,766,714
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	17	55,189,415,265	54,291,766,714
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148,700,830,831	157,407,662,680
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	148,700,830,831	157,407,662,680
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411 a		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411 b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000	20,000,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415		-20,000	-20,000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,830,983,651	16,830,983,651
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21,869,867,180	30,576,699,029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421 a		11,078,276,687	19,123,269,243
- LNST chưa phân phối kỳ này	421 b		10,791,590,493	11,453,429,786
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0

1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		250,482,329,147	268,336,190,527

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	221,027,980,665	232,243,606,863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		221,027,980,665	232,243,606,863
4. Giá vốn hàng bán	11	21	196,037,791,395	204,974,259,721
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24,990,189,270	27,269,347,142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3,795,877,490	3,233,247,644
7. Chi phí tài chính	22	23	(575,584,110)	728,699,546
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	24	2,140,349,585	1,528,294,019
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	14,484,821,858	17,141,554,491
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		12,736,479,427	11,104,046,730
12. Thu nhập khác	31	26	12,348,911,575	3,329,154,292
13. Chi phí khác	32	27	11,696,954,698	192,663,790
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		651,956,877	3,136,490,502
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13,388,436,304	14,240,537,232
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2,596,845,811	2,787,107,446
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10,791,590,493	11,453,429,786

18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		1,199	1,273

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1	3	13,388,436,304	14,240,537,232
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		3,677,399,032	4,118,053,892
- Các khoản dự phòng	3		(214,600,050)	790,180,601
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		65,093,438	44,150,398
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3,898,532,006)	(3,117,067,351)
- Chi phí lãi vay	6			
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		13,017,796,718	16,075,854,772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		2,749,593,941	1,321,559,169
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		722,133,985	210,815,788
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13,161,980,732)	95,266,295
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		316,935,606	175,317,546
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		967,760,500	
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,229,236,842)	(2,011,972,921)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		304,900,000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,463,983,710)	(1,038,557,084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,776,080,534)	14,828,283,565
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(448,661,671)	(1,346,254,803)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	601,363,636	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(101,288,513,745)	(58,256,478,771)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	103,744,992,516	35,024,472,705
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,354,160,137	3,183,981,070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5,963,340,873	(21,394,279,799)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,691,996,400)	
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11,691,996,400)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(7,504,736,061)	(6,565,996,234)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25,259,758,068	31,869,904,700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(65,093,438)	(44,150,398)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	17,689,928,569	25,259,758,068

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Lưu